

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và sửa đổi,  
bổ sung giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Sở Y tế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội  
bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;  
Thực hiện Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của  
UBND tỉnh Phú Yên về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ  
thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 11/TTr-SYT ngày 15  
tháng 01 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 16 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và sửa đổi, bổ sung giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (*phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế 01 thủ tục hành chính nội bộ số 6 mục II tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ**  
**NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:51/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành**

| STT                            | Tên thủ tục hành chính  | Lĩnh vực       | Cơ quan thực hiện |
|--------------------------------|---|----------------|-------------------|
| <b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ</b> |   |                |                   |
| 1                              | Thủ tục Xét thăng hạng bác sĩ chính                               | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 2                              | Thủ tục Xét thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính                | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 3                              | Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 4                              | Thủ tục Xét thăng hạng điều dưỡng hạng III                        | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 5                              | Thủ tục Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II                         | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 6                              | Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III                           | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 7                              | Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II                            | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 8                              | Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng III                        | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 9                              | Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng II                         | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 10                             | Thủ tục Xét thăng hạng dược sĩ                                    | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 11                             | Thủ tục Xét thăng hạng dược sĩ chính                              | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 12                             | Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng III  | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 13                             | Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng II   | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 14                             | Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |
| 15                             | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II          | Tổ chức cán bộ | Sở Y tế           |

**2. Thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung**

| STT | Tên thủ tục hành chính  | Tên thủ tục hành chính sửa đổi  | Lĩnh vực      | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|---|---------------|-------------------|
| 1   | Thủ tục dự trữ và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh thành phố. | Thủ tục Duyệt dự trữ và điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế. | Y tế dự phòng | Sở Y tế           |

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **A. Thủ tục hành chính nội bộ ban hành mới**

#### **1. Thủ tục Xét thăng hạng bậc sĩ chính**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| TT  | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ  | Chức vụ hoặc danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |                            |                              |                  |                    |                      | Được miễn thi |           | Ghi chú |                       |
|-----|-----------|---------------------|-----|-----|----------------------------|------------------------------|---|----------------------|--------------------------------------|--|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------|-----------|---------|-----------------------|
|     |           |                     |     |     |                            |                              |   | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Có đề án, công trình | Tin học       | Ngoại ngữ |         | Ngoại ngữ đăng ký thi |
| (1) | (2)       | (3)                 | (4) | (5) | (6)                        | (7)                          | (8)   | (9)                  | (10)                                 | (11)   | (12)                       | (13)                         | (14)             | (15)               | (16)                 | (17)          | (18)      | (19)    | (20)                  |
|     |           |                     |     |     |                            |                              |   |                      |                                      |  |                            |                              |                  |                    |                      |               |           |         |                       |
|     |           |                     |     |     |                            |                              |   |                      |                                      |  |                            |                              |                  |                    |                      |               |           |         |                       |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Thủ tục Xét thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*



- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

### **3. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)



TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| TT  | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ  | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |                            |                              |                  |                    |                      | Được miễn thi |           | Ghi chú |                       |
|-----|-----------|---------------------|-----|-----|---------------------------------|------------------------------|---|----------------------|--------------------------------------|--|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------|-----------|---------|-----------------------|
|     |           |                     |     |     |                                 |                              |   | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Có đề án, công trình | Tin học       | Ngoại ngữ |         | Ngoại ngữ đăng ký thi |
| (1) | (2)       | (3)                 | (4) | (5) | (6)                             | (7)                          | (8)   | (9)                  | (10)                                 | (11)   | (12)                       | (13)                         | (14)             | (15)               | (16)                 | (17)          | (18)      | (19)    | (20)                  |
|     |           |                     |     |     |                                 |                              |   |                      |                                      |  |                            |                              |                  |                    |                      |               |           |         |                       |
|     |           |                     |     |     |                                 |                              |   |                      |                                      |  |                            |                              |                  |                    |                      |               |           |         |                       |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

#### **4. Thủ tục Xét thăng hạng điều dưỡng hạng III**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **5. Thủ tục Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.



TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **6. Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III**

a) *Trình tự thực hiện*: Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện*: Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết*: Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC*: Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC  
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC  
DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **7. Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;



- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC  
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC  
DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **8. Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng III**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **9. Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng II**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức



đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT  
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ...  
NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |      |      |      | Được |      | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|------|------|------|------|------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trìn | Trìn | Trìn | Trìn | Trìn |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |      |      |      |      |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |      |      |      |      |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **10. Thủ tục Xét thăng hạng được sĩ**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo

chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC  
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC  
DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |      |      |      | Được |      | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|------|------|------|------|------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trìn | Trìn | Trìn | Trìn | Trìn |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |      |      |      |      |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |      |      |      |      |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



## **11. Thủ tục Xét thăng hạng được sĩ chính**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dýợc; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |      |       |      | Được |      | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|------|-------|------|------|------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trìn | Trình | Trìn | Trìn | Trìn |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15) | (16)  | (17) | (18) | (19) | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |       |      |      |      |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |       |      |      |      |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **12. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng III**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)



TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

### **13. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng II**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |      |       |      | Được |      | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|------|-------|------|------|------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trìn | Trình | Trìn | Trìn | Trìn |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15) | (16)  | (17) | (18) | (19) | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |       |      |      |      |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |      |       |      |      |      |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

#### **14.Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.



Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| T   | T   | H   | Ngày | Na  | N   | Chức | Cơ  | Thời | Mức lương |       | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |       |       |       |       |       | Được  |       | Ghi  |
|-----|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----------|-------|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
|     |     |     |      |     |     |      |     |      | hiện      | hưởng | Hệ   | Mã số | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình | Trình |      |
| (1) | (2) | (3) | (4)  | (5) | (6) | (7)  | (8) | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13)  | (14)  | (15)  | (16)  | (17)  | (18)  | (19)  | (20) |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |
|     |     |     |      |     |     |      |     |      |           |       |  |       |       |       |       |       |       |       |      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **15. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

| TT  | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị    | Tổng số | Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có |                               |                                |                               |                              | Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức |                               |                                |                                   |                              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------|--|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------|
|     |                                 |         | Chức danh nghề nghiệp hạng I                             | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV | Chức danh nghề nghiệp hạng V | Chức danh nghề nghiệp hạng I                                 | Chức danh nghề nghiệp hạng II | Chức danh nghề nghiệp hạng III | Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp | Chức danh nghề nghiệp hạng V |         |
| (1) | (2)                             | (3)     | (4)  | (5)                           | (6)                            | (7)                           | (8)                          | (9)  | (10)                          | (11)                           | (12)                              | (13)                         | (14)    |
| I   | Chức danh nghề nghiệp viên chức |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     | ...                             |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |
|     |                                 |         |  |                               |                                |                               |                              |  |                               |                                |                                   |                              |         |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ: .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI  
HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH  
... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

| TT  | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ  | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi |                            |                              |                  |                    | Được miễn thi        |         |           | Ghi chú |                       |
|-----|-----------|---------------------|-----|-----|---------------------------------|------------------------------|---|----------------------|--------------------------------------|--|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------|-----------|---------|-----------------------|
|     |           |                     |     |     |                                 |                              |   | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Có đề án, công trình | Tin học | Ngoại ngữ |         | Ngoại ngữ đăng ký thi |
| (1) | (2)       | (3)                 | (4) | (5) | (6)                             | (7)                          | (8)   | (9)                  | (10)                                 | (11)   | (12)                       | (13)                         | (14)             | (15)               | (16)                 | (17)    | (18)      | (19)    | (20)                  |
|     |           |                     |     |     |                                 |                              |   |                      |                                      |  |                            |                              |                  |                    |                      |         |           |         |                       |
|     |           |                     |     |     |                                 |                              |   |                      |                                      |  |                            |                              |                  |                    |                      |         |           |         |                       |
|     |           |                     |     |     |                                 |                              |   |                      |                                      |  |                            |                              |                  |                    |                      |         |           |         |                       |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **B. Thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung**

### **1. Thủ tục Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng và điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế**

#### *a) Trình tự thực hiện*

- Trường hợp 1: Duyệt dự trù thuốc Methadone

Bước 1: Trước ngày mùng 5 của các tháng 01, 4, 7 và tháng 10 hằng năm hoặc trong trường hợp đột xuất, cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone lập dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone bao gồm cả nhu cầu sử dụng thuốc của người bệnh tại các cơ sở cấp phát thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của cơ sở điều trị Methadone theo mẫu số 11 phụ lục ban hành kèm Thông tư 26/2023/TT-BYT và gửi về Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

Bước 2: Trước ngày 10 của tháng lập dự trù, Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) phải hoàn thành việc tổng hợp và gửi Sở Y tế bằng tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc Methadone từ các cơ sở điều trị trên địa bàn theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT, dự trù gồm 03 bản.

Bước 3: Trước ngày 15 của tháng lập dự trù, Sở Y tế duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone của các cơ sở điều trị Methadone theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT. Duyệt dự trù được lập thành 03 bản và được gửi như sau: 01 bản gửi đơn vị phân phối, 01 bản gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và 01 bản lưu tại Sở Y tế.

- Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Bước 1: Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) căn cứ vào bản duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tiến hành thống nhất với các cơ sở điều trị Methadone về số lượng và thời gian giao thuốc cụ thể. Việc giao thuốc phải thực hiện trước ngày 30 của tháng lập dự trù;

Bước 2: Ban hành văn bản phân bổ, điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị;

Bước 3: Báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhu cầu sử dụng thuốc Methadone về số lượng phân bổ, điều phối và thời gian giao thuốc cụ thể.

#### *b) Cách thức thực hiện:*

- Trường hợp 1: Duyệt dự trù thuốc Methadone

Nộp trực tiếp, Bưu chính công ích.

- Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Trực tiếp, Bưu chính công ích, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

#### *c) Thành phần, số lượng hồ sơ*

c.1: Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp 1: Duyệt dự trù thuốc Methadone

+ Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone theo mẫu số 11, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT.



+ Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone theo mẫu số 13, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT).

-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone  
Văn bản phân bổ thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị  
c.2: Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

*d) Thời hạn giải quyết:*

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone  
15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  
-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone  
05 ngày làm việc

*e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức*

*f) Cơ quan giải quyết TTHC:*

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone  
Sở Y tế Phú Yên  
-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone  
Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm  
Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

*g) Kết quả thực hiện TTHC:*

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone  
Phê duyệt dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc Methadone của Sở Y tế  
-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone  
Văn bản của Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh  
(Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) về phân bổ, điều phối thuốc Methadone cho  
các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh.

*h) Phí, lệ phí (nếu có):* Không quy định.

*i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone  
Mẫu số 11, quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số  
26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế.  
Mẫu số 13, quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số  
26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế.

-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone  
Không quy định.

*j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:* Không quy định.

*k) Căn cứ pháp lý của TTHC*

Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn  
quản lý thuốc Methadone.

**Mẫu số 11. Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone**

CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ THAY THẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRÙ NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC METHADONE**

(từ ngày ... tháng ..... đến ngày .... tháng .....)

| Tên cơ sở | Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng | Đơn vị tính | Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang | Số lượng nhập trong kỳ | Tổng số | Số lượng xuất trong kỳ | Số lượng hao hụt | Số lượng dư thừa | Tồn kho cuối kỳ | Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị | Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới | Số lượng dự trữ cho kỳ tới |
|-----------|-------------------------------|-------------|---------------------------------------|------------------------|---------|------------------------|------------------|------------------|-----------------|---|--|----------------------------|
| (1)       | (2)                           | (3)         | (4)                                   | (5)                    | (6)     | (7)                    | (8)              | (9)              | (10)            | (11)                                      | (12)   | (13)                       |
| .....     |                               |             |                                       |                        |         |                        |                  |                  |                 |   |  |                            |
|           |                               |             |                                       |                        |         |                        |                  |                  |                 |   |  |                            |
|           |                               |             |                                       |                        |         |                        |                  |                  |                 |   |  |                            |

**Nơi nhận:**

- .....
- .....

**Người lập báo cáo**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 13. Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc  
methadone

**TÊN ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRÙ NHU CẦU SỬ DỤNG**  
**THUỐC METHADONE**  
(từ ngày.....tháng.....đến ngày ....tháng.....)

| Tên đơn vị | Tên thuốc, nồng độ, Hàm lượng | Đơn vị tính | Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang | Số lượng nhập trong kỳ | Tổng số | Số lượng xuất Trong kỳ | Số lượng hao hụt | Số lượng dư thừa | Tồn kho cuối kỳ | Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị | Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới | Số lượng dự trữ cho kỳ tới | Số lượng duyệt dự trữ |
|------------|-------------------------------|-------------|---------------------------------------|------------------------|---------|------------------------|------------------|------------------|-----------------|---|--|----------------------------|-----------------------|
| (1)        | (2)                           | (3)         | (4)                                   | (5)                    | (6)     | ( 7 )                  | (8)              | (9)              | (10)            | (11)                                      | (12)   | (13)                       | (14)                  |
|            |                               |             |                                       |                        |         |                        |                  |                  |                 |   |  |                            |                       |
|            |                               |             |                                       |                        |         |                        |                  |                  |                 |   |  |                            |                       |
|            |                               |             |                                       |                        |         |                        |                  |                  |                 |   |  |                            |                       |
| Tổng số    |                               |             |                                       |                        |         |                        |                  |                  |                 |   |  |                            |                       |

Nơi nhận:

.....

**Người lập báo cáo**

**Lãnh đạo Cơ quan đầu mối về PC  
HIV/AIDS tuyến tỉnh**

**Lãnh đạo Sở Y tế**